



HAGL Group



CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

ngày 31 tháng 3 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	4
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	5 - 24

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 3 năm 2010

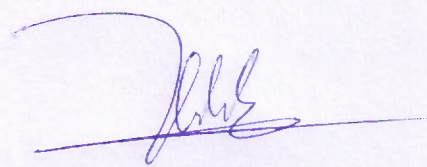
Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.089.630.516	4.244.253.044
110	I. Tiền		879.970.351	1.297.566.342
111	1. Tiền	4	879.970.351	1.297.566.342
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	157.571.210
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	157.571.210
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.785.058.671	2.430.240.865
131	1. Phải thu khách hàng	6	565.044.411	295.199.208
132	2. Trả trước cho người bán	7	148.896.061	64.097.831
135	3. Các khoản phải thu khác	8	3.071.844.777	2.071.670.404
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(726.578)	(726.578)
140	IV. Hàng tồn kho		298.481.984	312.704.326
141	1. Hàng tồn kho	9	298.941.094	313.163.436
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(459.110)	(459.110)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		44.336.270	46.170.301
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		21.239.308	31.785.737
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.661.637	6.795.087
	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		5.304.827	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	10.130.498	7.589.477
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.239.269.467	4.237.746.565
220	I. Tài sản cố định		538.588.421	515.228.516
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	364.739.870	371.472.563
222	Nguyên giá		407.036.606	424.820.819
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(42.296.736)	(53.348.256)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	73.479.334	67.259.331
228	Nguyên giá		74.052.662	67.726.523
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(573.328)	(467.192)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	100.369.217	76.496.622
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		3.633.715.553	3.665.447.602
252	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	2.695.716.901	2.473.099.747
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	69.500.000	68.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	15	868.498.652	1.123.847.855
260	III. Tài sản dài hạn khác		66.965.493	57.070.447
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	30.764.057	35.327.543
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		34.588.336	20.129.804
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.613.100	1.613.100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.328.899.983	8.481.999.609

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.090.386.681	3.835.402.843
310	I. Nợ ngắn hạn		3.371.086.480	3.121.868.857
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	2.680.406.101	2.655.254.155
312	2. Phải trả cho người bán		45.938.301	49.573.898
313	3. Người mua trả tiền trước		11.348.856	2.018.738
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	112.818.901	31.139.861
315	5. Phải trả công nhân viên		5.267.788	3.730.353
316	6. Chi phí phải trả	19	138.353.343	80.519.217
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	324.011.208	282.312.208
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		52.941.982	17.320.427
330	II. Nợ dài hạn		719.300.201	713.533.986
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.080.150	1.188.881
334	2. Vay và nợ dài hạn	21	717.838.182	711.837.478
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		381.869	507.627
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.238.513.302	4.646.596.766
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	5.238.513.302	4.646.596.766
411	1. Vốn cổ phần		2.704.654.580	2.704.654.580
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.223.971.061	1.223.971.061
415	3. Cổ phiếu quỹ	22.2	(30.091.699)	(30.091.699)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	915.313
417	5. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		137.566.076	82.528.069
420	7. Lợi nhuận chưa phân phối		1.193.790.547	655.996.705
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.328.899.983	8.481.999.609



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



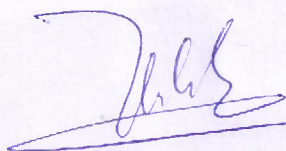
Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2010


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý 1 năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	314.355.262
02	2. Các khoản giảm trừ	23.1	(71.427)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	314.283.835
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(210.973.630)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.310.205
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	685.317.335
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	25	(51.748.277)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(51.424.193)
24	8. Chi phí bán hàng		(10.348.785)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(14.587.657)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		711.942.821
31	11. Thu nhập khác	26	400.091
32	12. Chi phí khác	26	(4.800.482)
40	13. Lỗ khác	26	(4.400.391)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		707.542.430
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(77.493.111)
52	16. Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		14.458.532
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		644.507.851
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)		2.387



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

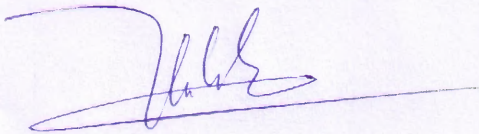
Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý 1 năm 2010
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế		707.542.430
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn		11.444.909
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(680.137.754)
06	Chi phí lãi vay	25	51.424.193
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		90.273.778
09	Tăng các khoản phải thu		(346.525.545)
10	Giảm hàng tồn kho		14.222.342
11	Tăng các khoản phải trả		105.603.863
12	Giảm chi phí trả trước		8.087.367
13	Tiền lãi vay đã trả		(42.226.847)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.000.000)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.054.447)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(191.619.489)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(45.272.946)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		61.909
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(287.338.647)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(213.836.477)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		265.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.257.009
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(257.129.152)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		192.083.804
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(160.931.154)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		31.152.650
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(417.595.991)
60	Tiền đầu kỳ		1.297.566.342
70	Tiền cuối kỳ	4	879.970.351



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009

Công ty có 22 công ty con sở hữu trực tiếp và 4 công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14 của các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Hoạt động chính của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác, chế biến và kinh doanh mủ cao su và gỗ cao su; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền hạch toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi thanh toán và tiền gửi không kỳ hạn.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm chi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Đất đai chờ xây dựng căn hộ được trình bày trong mục Đầu tư dài hạn khác theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua quyền sử dụng đất, đền bù giải tỏa và san lấp mặt bằng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản lỗ ước tính do giảm giá (do giảm giá trị, hư hỏng, lỗi thời, v.v..) nguyên vật liệu, thành phẩm, và các hàng tồn kho khác của Công ty, căn cứ vào chứng cứ giảm giá phù hợp tồn tại vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	10 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, trồng cây cao su và trà của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Tài sản thuê

Việc xác định xem một thỏa thuận là, hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trích trước trợ cấp mất việc

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty trả bảo hiểm mất việc làm theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá quy định tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu căn hộ

Đối với các căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua. Đối với các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của các căn hộ bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án căn hộ. Chi phí ước tính để xây dựng căn hộ được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Chính sách ghi nhận doanh thu này được áp dụng nhất quán với năm trước và là một nguyên tắc được chấp thuận phổ biến tại Việt Nam và một số nước khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho tiền lãi của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động pha loãng đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.21 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Tiền gửi ngân hàng	878.646.830	1.296.844.456
Tiền mặt tại quỹ	1.295.774	720.866
Tiền đang chuyển	27.747	1.020
TỔNG CỘNG	879.970.351	1.297.566.342

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	336.289.060	112.789.952
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	193.515.318	106.251.070
Phải thu tiền bán căn hộ	35.240.033	76.158.186
TỔNG CỘNG	565.044.411	295.199.208

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	93.745.603	64.097.831
Tạm ứng cho nhà thầu	55.150.458	-
TỔNG CỘNG	148.896.061	64.097.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Phải thu các bên liên quan	2.631.915.618	1.871.011.308
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	364.000.000	128.000.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	23.138.347	22.616.566
Cho vay ngắn hạn công ty	22.829.602	19.464.339
Phải thu từ ủy thác đầu tư	16.768.800	16.768.800
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	6.854.742	8.951.046
Các khoản khác	6.337.668	4.858.345
TỔNG CỘNG	<u>3.071.844.777</u>	<u>2.071.670.404</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	182.041.897	170.995.913
Thành phẩm	51.870.515	68.031.153
Hàng hóa	8.414.692	20.164.555
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Sản phẩm dở dang	32.670.222	39.924.477
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	22.495.029	35.700.227
Sản xuất	10.114.173	4.224.250
Dịch vụ	61.020	-
Nguyên vật liệu	22.766.311	13.102.260
Công cụ, dụng cụ	1.177.457	945.078
Vật liệu xây dựng	-	-
TỔNG CỘNG	<u>298.941.094</u>	<u>313.163.436</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	10.080.378	7.539.357
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
TỔNG CỘNG	<u>10.130.498</u>	<u>7.589.477</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	300.732.745	72.078.325	39.143.368	2.150.922	6.635.322	4.080.137	424.820.819
Tăng trong kỳ	2.700.800	5.946.302	2.672.640	388.064	-	51.867	11.759.673
Giảm trong kỳ	(7.131.111)	(19.709.782)	(1.948.676)	(31.299)	-	(723.018)	(29.543.886)
Ngày 31 tháng 3 năm 2010	296.302.434	58.314.845	39.867.332	2.507.687	6.635.322	3.408.986	407.036.606
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	(19.413.450)	(26.125.045)	(5.362.236)	(690.993)	(773.523)	(983.009)	(53.348.256)
Tăng trong kỳ	(1.905.843)	(1.736.811)	(1.061.660)	(141.763)	(41.847)	(80.754)	(4.968.678)
Giảm trong kỳ	2.073.092	13.485.424	143.615	25.491	-	292.576	16.020.198
Ngày 31 tháng 3 năm 2010	(19.246.201)	(14.376.432)	(6.280.281)	(807.265)	(815.370)	(771.187)	(42.296.736)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	281.319.295	45.953.280	33.781.132	1.459.929	5.861.799	3.097.128	371.472.563
Ngày 31 tháng 3 năm 2010	277.056.233	43.938.413	33.587.051	1.700.422	5.819.952	2.637.799	364.739.870

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	65.755.756	1.970.767	67.726.523
Tăng trong kỳ	7.000.000	140.290	7.140.290
Giảm trong kỳ	(778.751)	(35.400)	(814.151)
Ngày 31 tháng 3 năm 2010	<u>71.977.005</u>	<u>2.075.657</u>	<u>74.052.662</u>
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	(467.192)	(467.192)
Tăng trong kỳ	-	(118.759)	(118.759)
Giảm trong kỳ	-	12.623	12.623
Ngày 31 tháng 3 năm 2010	<u>-</u>	<u>(573.328)</u>	<u>(573.328)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>65.755.756</u>	<u>1.503.575</u>	<u>67.259.331</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2010	<u>71.977.005</u>	<u>1.502.329</u>	<u>73.479.334</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Xây dựng văn phòng, nhà xưởng và vật kiến trúc	40.992.953	45.743.267
Chi phí trồng cây cao su và trà	25.125.922	24.057.900
Các công trình xây dựng khác	<u>34.250.342</u>	<u>6.695.455</u>
TỔNG CỘNG	<u>100.369.217</u>	<u>76.496.622</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010			Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009		
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	90.911.900	99,9	921.759.747	90.911.900	99,9	921.759.747
Công ty cổ phần Đầu tư Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Nguyên	Bất động sản	Đang hoạt động	8.900.000	89	267.387.035	8.900.000	89	277.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bất động sản	Đang hoạt động	5.100.000	51	78.000.000	5.100.000	51	78.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Bất động sản	Trước hoạt động	5.455.950	55	64.823.500	5.455.950	55	54.559.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Hoàng Phúc	Bất động sản	Trước hoạt động	4.000.000	20	40.000.000	4.000.000	20	40.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Trước hoạt động	16.630.700	94,38	241.333.000	16.630.700	94,38	211.307.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Năng lượng	Trước hoạt động	9.829.550	76	127.856.500	9.829.550	76	98.295.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Đắk B'la	Năng lượng	Trước hoạt động	7.000.000	65,63	850.000	7.000.000	65,63	850.000
Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh – Quang Minh	Trồng cây công nghiệp	Đang hoạt động	5.750.000	57,5	87.453.075	5.750.000	57,5	87.453.075
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Trồng cây công nghiệp	Trước hoạt động	6.331.722	98,95	82.392.086	6.331.722	98,95	82.392.086
Công ty TNHH Rattanakiri (Campuchia)	Trồng cây công nghiệp	Trước hoạt động	30.400.000	100	37.496.075	-	-	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây công nghiệp	Trước hoạt động	1.290.000	80	26.740.500	1.290.000	80	26.740.500

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Trước hoạt động	86	296.775.315	86	219.943.124
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Khai khoáng	Trước hoạt động	62,79	191.531.598	62,79	158.158.867
Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Ngãi	Khai khoáng	Trước hoạt động	85	3.106.000	85	2.843.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	87	97.970.745	87	91.792.623
Công ty Cổ phần Sông Đà Ban Mê	Sản xuất	Đang hoạt động	51	19.745.000	51	19.013.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51	53.424.959	51	53.424.959
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Trước hoạt động	46,2	31.091.766	46,2	27.666.766
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hoàng Anh Viên Đông	Dịch vụ	Đang hoạt động	55	5.500.000	55	5.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Trước hoạt động	72,2	4.680.000	72,2	600.000
TỔNG CỘNG				2.695.716.901		2.473.099.747

Trước hoạt động thể hiện tình hình các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 3 năm 2010.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010			Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh - Mang Yang	Trồng trọt	1.815.608	40,00	44.000.000	1.815.608	40,00	44.000.000
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	1.100.000	42,73	13.000.000	1.000.000	39,20	12.000.000
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	750.000	25,00	7.500.000	750.000	25,00	7.500.000
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG				69.500.000			68.500.000

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	405.121.160	460.470.363
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh	189.857.250	389.857.250
Cho vay Chính phủ Lào	266.120.201	266.120.201
Đầu tư vào cổ phiếu thường	7.360.041	7.360.041
Các khoản đầu tư khác	40.000	40.000
TỔNG CỘNG	<u>868.498.652</u>	<u>1.123.847.855</u>

Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ trong vòng 3 năm.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Quý 1 năm 2010</i>	<i>Quý 1 năm 2009</i>
Số dư đầu kỳ	35.327.543	57.915.210
Tăng trong kỳ	2.459.062	18.281.092
Chi phí phân bổ trong kỳ	(6.372.903)	(32.173.993)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	(649.645)	(8.694.766)
Số dư cuối kỳ	<u>30.764.057</u>	<u>35.327.543</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Trái phiếu chuyển đổi	1.450.000.000	1.450.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	548.910.594	509.601.082
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	681.495.507	695.653.073
TỔNG CỘNG	<u>2.680.406.101</u>	<u>2.655.254.155</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.774.332	28.281.211
Thuế giá trị gia tăng	11.347.171	1.013.313
Thuế thu nhập cá nhân	486.623	649.958
Các khoản phải nộp khác	210.775	1.195.379
TỔNG CỘNG	<u>112.818.901</u>	<u>31.139.861</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí thầu phụ xây dựng	128.743.980	58.301.663
Chi phí lãi vay	9.577.181	18.774.527
Các khoản khác	32.182	3.443.027
TỔNG CỘNG	138.353.343	80.519.217

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Phải trả các bên liên quan	280.838.383	226.906.829
Phải trả các công ty khác	34.885.901	25.385.901
Phải trả về mua cổ phần	6.500.000	11.450.000
Các khoản khác	1.786.924	18.569.478
TỔNG CỘNG	324.011.208	282.312.208

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	399.333.689	407.490.551
TỔNG CỘNG	1.399.333.689	1.407.490.551
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>681.495.507</i>	<i>695.653.073</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>717.838.182</i>	<i>711.837.478</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngàn VNĐ
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.704.654.580	1.223.971.061	(30.091.699)	915.313	8.622.737	82.528.069	655.996.705	4.646.596.766
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	644.507.851	644.507.851
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	55.038.007	(55.038.007)	-
Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(50.022.759)	(50.022.759)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(915.313)	-	-	-	(915.313)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(1.653.243)	(1.653.243)
Số dư, ngày 31 tháng 3 năm 2010	2.704.654.580	1.223.971.061	(30.091.699)	-	8.622.737	137.566.076	1.193.790.547	5.238.513.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	270.465.458	270.465.458
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	270.465.458	270.465.458
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	270.465.458	270.465.458
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	270.465.458	270.465.458
Cổ phiếu quỹ	512.290	512.290
<i>Cổ phiếu phổ thông do Công ty nắm giữ</i>	512.290	512.290
Cổ phiếu đang lưu hành	269.953.168	269.953.168
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	269.953.168	269.953.168

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ Quý 1 năm 2010
Doanh thu gộp	314.355.262
<i>Trong đó:</i>	
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	207.393.000
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	85.714.623
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	17.169.019
<i>Doanh thu căn hộ</i>	4.078.620
Các khoản giảm trừ	(71.427)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(71.427)
Doanh thu thuần	314.283.835
<i>Trong đó:</i>	
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	207.393.000
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	85.714.623
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	17.097.592
<i>Doanh thu căn hộ</i>	4.078.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Quý 1 năm 2010</i>
Cổ tức nhận được	459.452.482
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	167.394.314
Lãi cho vay các công ty trong tập đoàn	36.217.616
Lãi tiền gửi	22.252.923
TỔNG CỘNG	<u>685.317.335</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Quý 1 năm 2010</i>
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	144.340.623
Giá vốn hàng hóa	50.638.609
Giá vốn dịch vụ cung cấp	12.520.542
Giá vốn căn hộ	3.473.856
TỔNG CỘNG	<u>210.973.630</u>

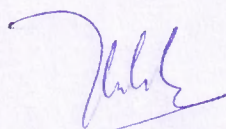
25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Quý 1 năm 2010</i>
Chi phí lãi vay	51.424.193
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	324.084
TỔNG CỘNG	<u>51.748.277</u>


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

26. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ
	Quý 1 năm 2010
Thu nhập khác	400.091
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	61.909
Tiền thu bán phế liệu	225.280
Các khoản khác	112.902
Chi phí khác	(4.800.482)
Giá vốn phế liệu	(202.798)
Các khoản khác	(4.597.684)
Lỗ thuần	(4.400.391)



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2010